

# **Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Quận Thủ Đức**

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**

## Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Quận Thủ Đức

MỤC LỤC	Trang
1. BẢO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 03
2. BẢO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
4. BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08 - 08
5. BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 - 09
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24

\*\*\*\*\*



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Quận Thủ Đức trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

### Khái quát về Công ty

Công Ty Công Trình Giao Thông Đô Thị Và Quản Lý Nhà Thủ Đức là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn Điều lệ được thành lập theo Quyết định số 4019/QĐ-UB-KT ngày 04 tháng 08 năm 1998 và quyết định số 5286 ngày 08 tháng 10 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 103436 lần đầu vào ngày 24 tháng 10 năm 1998 và số đăng ký kinh doanh 416000094 thay đổi lần thứ 2 vào ngày 02 tháng 02 năm 2005.

Quyết định số 3603/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ngày 18 tháng 08 năm 2010 về việc phê duyệt đề án chuyển đổi Công ty Công trình Giao Thông Đô Thị và Quản Lý nhà Thủ Đức thành Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Quận Thủ Đức.

Trong quá trình hoạt động công ty được cấp các giấy phép điều chỉnh tiếp theo như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301482692 đăng ký thay đổi lần 6 vào ngày 01 tháng 03 năm 2011.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301482692 đăng ký thay đổi lần 8 vào ngày 05 tháng 08 năm 2015.

Vốn điều lệ: 13.762.000.000 VND

Địa chỉ trụ sở chính: 11 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

### Hoạt động chính của Công ty

- Quản lý, duy tu bảo dưỡng và xây dựng công trình giao thông, công trình đô thị và công trình công cộng (cầu đường bộ, thoát nước, chiếu sáng công cộng, vệ sinh đô thị...);
- Quản lý, cho thuê và bảo dưỡng, nâng cấp nhà nước thuộc sở hữu Nhà nước;
- Sửa chữa, đóng mới phương tiện vận tải thủy-bộ và hợp đồng vận tải công cộng;
- Thi công hệ thống cấp nước qui mô vừa và nhỏ, sửa chữa đường nhánh cấp nước.

### Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 24).

### Kết quả hoạt động kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuần	84.875.312.556	81.139.179.051
- Tổng lợi nhuận trước thuế	5.175.278.999	3.390.421.940
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	6,10%	4,18%

### Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính 2015 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trong Báo cáo tài chính.



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc của Công ty tại ngày lập Báo cáo tài chính và báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Đào	Chủ tịch	5 năm kể từ ngày 17/11/2015
Ông Đoàn Văn Kiệt	Thành viên	từ ngày 17/11/2015 đến khi nghỉ hưu
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên	5 năm kể từ ngày 01/07/2014

#### Ban Kiểm Soát

Họ và tên	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm
Ông Trần Đức Hòa	Kiểm soát viên	3 năm kể từ ngày 23/01/2014

#### Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm
Ông Đoàn Văn Kiệt	Giám đốc	5 năm kể từ ngày 20/11/2010
Ông Vũ Quốc Bảo	Phó Giám đốc	5 năm kể từ ngày 10/06/2015
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc	Từ ngày 01/07/2014
Bà Đoàn Thị Thúy Nga	Phó Giám đốc	5 năm kể từ ngày 14/03/2011
Bà Trương Ngọc Hương	Kế toán trưởng	Từ ngày 06/09/2011

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Tài Chính Toàn Cầu (GAFC) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định làm kiểm toán viên độc lập cho Công ty.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ sách kế toán thích hợp được lưu trữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

2969  
3TY  
HUUH  
AN V  
AI CHI  
CAU  
5CH

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 01 năm 2016  
Thay mặt Hội đồng thành viên



Nguyễn Văn Đào  
Chủ tịch



Thay mặt Ban Giám đốc

Đoàn Văn Kiệt  
Giám đốc





Enhance your values

# GLOBAL AUDITING

Indochina Park Tower Bldg, R. 14B05 - 14<sup>th</sup> Floor,  
04 Nguyen Dinh Chieu Street, Dist 1, HCMC, Vietnam

Tel: (84-8) 62 998 263/64 - Fax: (84-8) 62 998 267

www.globalauditing.com - Email: info@globalauditing.com

Số: 20160302002

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN - BAN GIÁM ĐỐC**  
**Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Quận Thủ Đức**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Quận Thủ Đức được lập ngày 26 tháng 01 năm 2016, từ trang 06 đến trang 24 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến ngoại trừ

Chúng tôi không thể tiến hành kiểm kê và đánh giá giá trị các công trình dở dang của quý công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015.

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận đầy đủ các thư xác nhận, thư đối chiếu công nợ phải thu khách hàng, phải trả khác, người mua trả tiền trước, trả trước người bán, nợ dài hạn và các nguồn kinh phí của Nhà nước đã ghi nhận trên báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Quận Thủ Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU (GAFC)**



**NGUYỄN DUY VŨ**

Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 1562-2013-205-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 01 năm 2016



**TRẦN MINH TUẤN**

Kiểm toán viên phụ trách

Chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 1352-2013-205-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>46.627.129.100</b>	<b>45.250.758.895</b>
<b>I. Tiền &amp; các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1.</b>	<b>8.189.695.841</b>	<b>4.797.071.135</b>
Tiền	111		8.189.695.841	4.797.071.135
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2.</b>	-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>32.098.146.178</b>	<b>29.099.118.570</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.a.	30.873.318.761	25.346.876.337
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	628.592.323	508.814.189
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.a.	1.376.925.929	4.556.757.047
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(780.690.835)	(1.313.329.003)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6.</b>	<b>6.054.377.845</b>	<b>11.030.848.476</b>
Hàng tồn kho	141		6.095.855.680	11.072.326.311
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(41.477.835)	(41.477.835)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>284.909.236</b>	<b>323.720.714</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.a.	115.440.546	36.666.667
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15.b.	169.468.690	287.054.047
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>87.038.913.995</b>	<b>77.971.675.408</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.907.561.361</b>	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3.b.	2.513.963.542	-
Phải thu dài hạn khác	216	V.5.b.	3.393.597.819	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10.652.796.748</b>	<b>8.302.172.614</b>
TSCĐ hữu hình	221	V.8.	10.652.796.748	8.302.172.614
- Nguyên giá	222		18.089.673.785	15.229.596.732
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(7.436.877.037)	(6.927.424.118)
TSCĐ vô hình	227	V.9.	-	-
Nguyên giá	228		35.000.000	35.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(35.000.000)	(35.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.10.</b>	<b>67.445.923.065</b>	<b>69.479.351.955</b>
Nguyên giá	231		70.019.460.918	72.245.111.415
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(2.573.537.853)	(2.765.759.460)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.7.</b>	<b>2.613.011.935</b>	<b>5.199.636</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.7.a.	2.610.761.935	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7.b.	2.250.000	5.199.636
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>419.620.886</b>	<b>184.951.203</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.b.	419.620.886	184.951.203
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>133.666.043.095</b>	<b>123.222.434.303</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>58.147.917.436</b>	<b>43.178.378.834</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>33.783.723.065</b>	<b>19.965.197.853</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13.	2.033.037.354	1.624.056.052
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14.	-	40.670.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15.a.	3.471.117.348	4.167.454.138
Phải trả người lao động	314		8.043.874.812	6.140.614.658
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16.	224.370.242	51.853.717
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17.a.	824.000.265	786.035.158
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18.a.	10.712.221.820	564.648.297
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12.	-	4.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20.	8.475.101.224	2.589.865.833
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>24.364.194.371</b>	<b>23.213.180.981</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17.b.	2.132.948.998	2.132.948.998
Phải trả dài hạn khác	337	V.18.b.	21.531.066.796	20.021.133.872
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19.	540.118.390	1.059.098.111
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		160.060.187	-
<b>D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>75.518.125.659</b>	<b>80.044.055.469</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>16.067.133.943</b>	<b>19.332.748.863</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21.	13.762.000.000	12.818.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22.	2.304.239.833	818.441.605
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.21.	894.110	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	5.696.307.258
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	3.255.014.720
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	2.441.292.538
<b>II. Nguồn kinh phí</b>	<b>430</b>		<b>59.450.991.716</b>	<b>60.711.306.606</b>
Nguồn kinh phí	431	V.23.	42.912.373.540	43.446.988.971
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	V.24.	16.538.618.176	17.264.317.635
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>133.666.043.095</b>	<b>123.222.434.303</b>

*nh*

Trương Ngọc Hương  
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Kiệt  
Giám đốc

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	84.875.312.556	81.139.179.051
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>VI.3.</b>	<b>84.875.312.556</b>	<b>81.139.179.051</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4.	70.655.978.351	70.252.725.724
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>14.219.334.205</b>	<b>10.886.453.327</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5.	17.614.960	71.877.689
7. Chi phí tài chính	22	VI.6.	238.939.670	55.535.792
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		238.939.670	55.535.792
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		9.763.996.522	6.948.629.138
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]</b>	<b>30</b>		<b>4.234.012.973</b>	<b>3.954.166.086</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7.	1.134.701.307	707.398.355
12. Chi phí khác	32	VI.8.	193.435.281	1.271.142.501
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>941.266.026</b>	<b>(563.744.146)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>5.175.278.999</b>	<b>3.390.421.940</b>
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.9.	1.151.761.379	842.470.878
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>4.023.517.620</b>	<b>2.547.951.062</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 01 năm 2016



Trương Ngọc Hương  
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Kiệt  
Giám đốc



**Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Quận Thủ Đức**

Báo cáo tài chính


Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>I- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	88.955.275.327	79.770.640.187
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(25.057.258.362)	(34.584.199.090)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(31.770.985.875)	(37.715.190.159)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(238.939.670)	(55.535.792)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(1.153.413.713)	(1.831.652.083)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	17.337.186.898	48.404.211.638
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(35.331.603.677)	(50.964.167.890)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD</b>	<b>20</b>	<b>12.740.260.928</b>	<b>3.024.106.811</b>
<b>II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác.	21	(3.732.903.736)	(1.541.761.546)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	938.291.296	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.614.960	71.877.689
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.776.997.480)</b>	<b>(1.469.883.857)</b>
<b>III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	11.833.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(18.403.638.742)	(3.922.649.850)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(6.570.638.742)</b>	<b>(3.922.649.850)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>3.392.624.706</b>	<b>(2.368.426.896)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4.797.071.135</b>	<b>7.165.498.031</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>8.189.695.841</b>	<b>4.797.071.135</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 01 năm 2016

  
Trương Ngọc Hương  
Kế Toán Trưởng

  
Đoàn Văn Kiệt  
Giám đốc



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1, Hình thức sở hữu vốn và thông tin doanh nghiệp:

Công Ty Công Trình Giao Thông Đô Thị Và Quản Lý Nhà Thủ Đức là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn Điều lệ được thành lập theo Quyết định số 4019/QĐ-UB-KT ngày 04 tháng 08 năm 1998 và quyết định số 5286 ngày 08 tháng 10 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 103436 lần đầu vào ngày 24 tháng 10 năm 1998 và số đăng ký kinh doanh 416000094 thay đổi lần thứ 2 vào ngày 02 tháng 02 năm 2005.

Quyết định số 3603/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ngày 18 tháng 08 năm 2010 về việc phê duyệt đề án chuyển đổi Công ty Công trình Giao Thông Đô Thị và Quản Lý nhà Thủ Đức thành Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Quận Thủ Đức.

#### Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ trụ sở chính: 86 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Trong quá trình hoạt động công ty được cấp các giấy phép điều chỉnh tiếp theo như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301482692 đăng ký thay đổi lần 6 vào ngày 01 tháng 03 năm 2011.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301482692 đăng ký thay đổi lần 8 vào ngày 05 tháng 08 năm 2015.

Vốn điều lệ: 13.762.000.000 VND

Địa chỉ trụ sở chính: 11 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

#### 2, Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ công ích và thi công xây dựng

#### 3, Ngành nghề kinh doanh:

- Quản lý, duy tu bảo dưỡng và xây dựng công trình giao thông, công trình đô thị và công trình công cộng (cầu đường bộ, thoát nước, chiếu sáng công cộng, vệ sinh đô thị...);
- Quản lý, cho thuê và bảo dưỡng, nâng cấp nhà nước thuộc sở hữu Nhà nước;
- Sửa chữa, đóng mới phương tiện vận tải thủy-bộ và hợp đồng vận tải công cộng;
- Thi công hệ thống cấp nước qui mô vừa và nhỏ, sửa chữa đường nhánh cấp nước.

#### 4, Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng

#### 5, Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính năm 2014 ( Xem Thuyết minh VII.2 ), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1, Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2, Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng Đồng Việt Nam trong hạch toán kế toán.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1, **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam.

2, **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Vì vậy, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh các báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3, **Hình thức sổ kế toán áp dụng:**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP (TRONG TRƯỜNG HỢP DOANH NGHIỆP ĐÁP ỨNG GIẢ ĐỊNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC)

1, **Cơ sở lập Báo cáo tài chính và nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam ("VND"), và được lập theo Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán, Nguyên tắc kế toán Việt Nam được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2, **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3, **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

**Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

*Nguyên tắc ghi nhận:*

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

*Lập dự phòng phải thu khó đòi:*

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 1 năm trở lên doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng chưa thu được nợ và các khoản nợ dưới 1 năm nhưng con nợ có dấu hiệu không trả được nợ. Tăng hoặc giảm khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập theo từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 4. Hàng tồn kho:

#### a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên

#### d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

Trong kỳ đơn vị chưa tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

#### a. Tài sản cố định hữu hình

##### Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá này bao gồm chi phí xây dựng, giá trị máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản có liên quan được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

##### Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài Chính, cụ thể như sau:

Nhóm Tài sản	Thời gian ( năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 34
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10

#### b. Tài sản cố định vô hình

TSCĐ vô hình bao gồm phần mềm kế toán.

Thời gian khấu hao các phần mềm nêu trên là 03 năm.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### c. **Bất động sản đầu tư;**

#### *Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư:*

Bất động sản đầu tư là tài sản phải thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai; và
- Nguyên giá của bất động sản đầu tư phải được xác định một cách đáng tin cậy.

Bất động sản đầu tư phải được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

*Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư:* áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại mà doanh nghiệp đang sử dụng.

<b>Loại TS Bất Động sản đầu tư</b>	<b>Thời gian (năm)</b>
Quyền sử dụng đất	Lâu dài
Tài sản trên đất ( Nhà)	06 - 10

### 6. **Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các công cụ nhỏ, vật dụng và trang thiết bị văn phòng và các chi phí khác mà mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho công ty. Chi phí trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh sử dụng theo khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

### 7. **Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

#### *Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác:*

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

### 8. **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán sẽ tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch đó.

### 9. **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận trên cơ sở nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí thỏa mãn quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác". Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

### 10. **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:**

*Vốn đầu tư của chủ sở hữu:* được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các chủ sở hữu và trích từ quỹ đầu tư phát triển.

*Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:* lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc lỗ hoạt động kinh doanh.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Xác định được phần công việc đã hoàn thành.

Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng

*Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện:*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

### 12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của hoạt động xây dựng, dịch vụ công ích quét rác, vận chuyển rác, duy tu và bất động sản từ nhà nước bàn giao để cho thuê và kinh doanh trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

### 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành 22% trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm;

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 14. Các bên liên quan;

Các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty được coi là các bên liên quan.

Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

#### 1, Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt tại quỹ	437.648.228	504.986.129
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.752.047.613	4.292.085.006
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>8.189.695.841</u></b>	<b><u>4.797.071.135</u></b>

#### 2, Các khoản đầu tư tài chính

#### 3, Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>30.873.318.761</b>	<b>25.346.876.337</b>
Ban QLDA Thủ Đức	8.235.446.000	1.491.589.000
Ban quản lý dự án Quận 9	566.957.223	4.614.012.917
Công ty MTĐT T.Phố	15.950.638.977	8.214.976.289
Phòng Quản Lý Đô Thị	1.496.339.200	3.156.656.200
P.Tài chính KH-ĐT Thủ Đức	2.251.317.916	-
P.Tài nguyên môi trường Q.TĐ	-	3.548.251.115
Khách hàng khác	2.372.619.445	4.321.390.816
<b>b. Phải thu khách hàng dài hạn</b>	<b>2.513.963.542</b>	<b>-</b>
Ban QLDA Thủ Đức	86.029.000	-
Công ty MTĐT T.Phố	2.158.241.797	-
Các nhà cung cấp khác	269.692.745	-

#### 4, Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>628.592.323</b>	<b>508.814.189</b>
DNTN Ngọc Vũ	541.872.225	-
Nguyễn Văn Hòa (trạm 2)	-	404.025.000
Nhà cung cấp khác	86.720.098	104.789.189

#### 5, Phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>1.376.925.929</b>	<b>4.556.757.047</b>
Tiền cho thuê nhà phải thu	751.580.265	590.928.451
Nguyễn Hòa Đức (Salan)	-	2.812.129.643
Phải thu khác	318.373.335	937.478.953
Tạm ứng	306.972.329	216.220.000
<i>Phan Thành Hiệp</i>	180.194.070	-
<i>Châu Bang</i>	5.831.900	166.330.000
<i>Các cá nhân khác</i>	120.946.359	49.890.000
<b>b. Phải thu khác dài hạn</b>	<b>3.393.597.819</b>	<b>-</b>
Nguyễn Hòa Đức (Salan)	2.812.129.643	-
Phải thu khác	581.468.176	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>38.786.398.374</u></b>	<b><u>30.412.447.573</u></b>
Dự phòng phải thu khó đòi (*)	(780.690.835)	(1.313.329.003)
<b>Giá trị thuần của phải thu ngắn hạn và dài hạn</b>	<b><u>38.005.707.539</u></b>	<b><u>29.099.118.570</u></b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	272.475.341	140.055.542
Công cụ, dụng cụ	-	21.170.500
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.823.380.339	10.911.100.269
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.095.855.680</b>	<b>11.072.326.311</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(41.477.835)	(41.477.835)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>6.054.377.845</b>	<b>11.030.848.476</b>

### 7. Tài sản dở dang dài hạn

#### a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Vận chuyển rác 2014	2.446.295.944	2.446.295.944	-	-
Chi phí khác	164.465.991	164.465.991	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.610.761.935</b>	<b>2.610.761.935</b>	-	-

#### b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí ban đầu mua xe ép	-	5.199.636
Sửa chữa VP công ty	2.250.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.250.000</b>	<b>5.199.636,00</b>

### 8. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
<b>Số đầu năm</b>	<b>1.723.005.120</b>	<b>892.215.373</b>	<b>12.614.376.239</b>	<b>15.229.596.732</b>
Tăng trong năm	559.827.074	65.000.000	3.670.235.176	4.295.062.250
Mua trong năm	-	65.000.000	3.667.903.736	3.732.903.736
Phân loại lại	559.827.074	-	2.331.440	562.158.514
Giảm trong năm	160.502.764	851.053.433	423.429.000	1.434.985.197
Thanh lý	160.502.764	288.894.919	423.429.000	872.826.683
Phân loại lại	-	562.158.514	-	562.158.514
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.122.329.430</b>	<b>106.161.940</b>	<b>15.861.182.415</b>	<b>18.089.673.785</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>807.390.249</b>	<b>862.589.473</b>	<b>5.257.444.396</b>	<b>6.927.424.118</b>
Tăng trong năm	495.400.380	11.416.670	1.309.734.946	1.816.551.996
Khấu hao trong năm	98.468.412	11.416.670	1.144.508.399	1.254.393.481
Phân loại lại	396.931.968	-	165.226.547	562.158.515
Giảm trong năm	50.825.874	832.844.203	423.429.000	1.307.099.077
Thanh lý	50.825.874	270.685.688	423.429.000	744.940.562
Phân loại lại	-	562.158.515	-	562.158.515
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.251.964.755</b>	<b>41.161.940</b>	<b>6.143.750.342</b>	<b>7.436.877.037</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Số đầu năm	915.614.871	29.625.900	7.356.931.843	8.302.172.614
Số cuối năm	870.364.675	65.000.000	9.717.432.073	10.652.796.748

### 9, Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán		Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu năm	35.000.000		35.000.000
Tăng trong năm	-		-
Giảm trong năm	-		-
Số cuối năm	35.000.000		35.000.000
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số đầu năm	35.000.000		35.000.000
Tăng trong năm	-		-
Giảm trong năm	-		-
Số cuối năm	35.000.000		35.000.000
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số đầu năm	-		-
Số cuối năm	-		-

### 10, Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Quyền sử dụng đất	40.402.730.321	-	534.615.431	39.868.114.890
Nhà	31.842.381.094	-	1.691.035.066	30.151.346.028
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	2.765.759.460	-	192.221.607	2.573.537.853
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Quyền sử dụng đất	40.402.730.321	-	-	39.868.114.890
Nhà	29.076.621.634	-	-	27.577.808.175

### 11, Chi phí trả trước

#### a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Công cụ dụng cụ	-	150.838.182	120.797.284	30.040.898
Chi phí sửa chữa	36.666.667	104.162.197	55.429.216	85.399.648
<b>Tổng cộng</b>	<b>36.666.667</b>	<b>255.000.379</b>	<b>176.226.500</b>	<b>115.440.546</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**b. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Công cụ dụng cụ	184.951.203	208.818.951	158.371.889	235.398.265
Chi phí sửa chữa	-	194.008.076	9.785.455	184.222.621
<b>Tổng cộng</b>	<b>184.951.203</b>	<b>402.827.027</b>	<b>168.157.344</b>	<b>419.620.886</b>

**12. Vay và nợ thuê tài chính**

**Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng:	-	4.000.000.000
- Ngân hàng Công Thương - CN Đồng Sài Gòn	-	4.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>4.000.000.000</b>

**13. Phải trả người bán**

**Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cơ Sở Hải Xuyên	137.633.000	91.857.750
Cty TNHH TM Tân Hiệp	224.462.640	-
Hộ KD Cơ Sở Trường Tín	202.335.000	46.850.000
Công ty TNHH PT DV Đá Phúc Nguyễn Đạt	265.812.756	-
Nhà cung cấp khác	1.202.793.958	1.485.348.302
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.033.037.354</b>	<b>1.624.056.052</b>

**14. Người mua trả tiền trước**

**Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Thanh Niên Việt	-	40.120.000
Nhà cung cấp khác	-	550.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>40.670.000</b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước**

**a. Phải nộp**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT đầu ra	2.502.646.888	7.449.989.392	8.039.564.087	1.913.072.193
Thuế thu nhập doanh nghiệp	566.379.404	1.151.761.379	1.153.413.713	564.727.070
Thuế nhà đất	1.098.427.846	1.500.986.653	1.606.096.414	993.318.085
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.167.454.138</b>	<b>10.105.737.424</b>	<b>10.802.074.214</b>	<b>3.471.117.348</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### b. Phải thu

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập cá nhân	287.054.047	297.498.270	141.974.333	131.530.110
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.439.898.806	2.477.837.386	37.938.580
<b>Tổng cộng</b>	<b>287.054.047</b>	<b>2.737.397.076</b>	<b>2.619.811.719</b>	<b>169.468.690</b>

### 16. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Các khoản trích trước công trình, vá vỏ xe rác, nhựa	224.370.242	51.853.717
<b>Tổng cộng</b>	<b>224.370.242</b>	<b>51.853.717</b>

### 17. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Doanh thu nhà phải thu	751.580.265	776.675.158
Rác y tế	72.420.000	9.360.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>824.000.265</b>	<b>786.035.158</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Lãi chiếm dụng vốn - Nguyễn Hòa Đức (*)	2.132.948.998	2.132.948.998
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.132.948.998</b>	<b>2.132.948.998</b>

(\*) Khoản lãi chiếm dụng vốn của ông Nguyễn Hòa Đức là khoản lãi chiếm dùng từ việc tạm ứng tiền của Công ty để thực hiện hoạt động tại xưởng Salan theo phương thức khoán hoạt động và không quyết toán trong thời gian dài.

### 18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	2.604.747	10.038.120
Bảo hiểm xã hội	21.971.897	46.016.812
Nguyễn Văn Hoan	40.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.647.645.176	466.146.669
Nhà Chung Cư Mỹ Kim ( nhà thuê)	383.963.347	-
Phòng TCKH-ĐT Thủ Đức	2.772.046.151	96.046.151
Nền trả góp chung cư Êm đềm Linh Xuân	903.432.619	61.370.856
Nền trả góp KDC Bình Chiểu	2.430.203.650	227.367.662
Lệ phí cấp GCN, QSH nhà, đất ở	83.712.000	81.362.000
Ban BTGPMB Thủ Đức	1.570.909.032	-
NTG - CC Mỹ Long	2.359.856.366	-
Các khoản phải trả khác	45.492.122	42.446.696
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.712.221.820</b>	<b>564.648.297</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>b. Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	785.546.054	706.106.054
Các khoản phải trả, phải nộp khác	20.745.520.742	19.315.027.818
Trong đó:	-	-
Chung cư Mỹ Kim	-	-
<i>KP QLý CC (2%)</i>	953.651.720	926.760.804
<i>KP SC CC (3%)</i>	1.654.807.611	1.456.990.071
<i>Nhà Chung Cư Mỹ Kim ( Bình Thạnh)</i>	2.596.949.773	1.658.440.358
<i>Nhà chung Cư Mỹ Kim -40 Căn (Thủ Đức)</i>	613.990.157	334.877.267
<i>Lãi trả góp</i>	1.621.237.859	1.316.322.741
Chung cư Hiệp Bình Chánh	-	-
<i>KP QLý CC (2%)</i>	387.636.509	367.580.282
<i>KP SC CC (3%)</i>	578.886.765	521.023.517
Chênh lệch số thu-giá vốn	5.928.556.474	5.748.999.678
Hội Đồng Bán Nhà Ở	126.324.612	161.528.915
Nhà trả góp	6.264.715.900	6.822.504.185
Các khoản phải trả khác	18.763.362	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>21.531.066.796</u></b>	<b><u>20.021.133.872</u></b>

<b>19. Các khoản vay và nợ dài hạn</b>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ dài hạn Ngân sách Nhà nước tiền bán nhà chung cư	540.118.390	1.059.098.111
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>540.118.390</u></b>	<b><u>1.059.098.111</u></b>

<b>20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi</b>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	8.475.101.224	2.589.865.833
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>8.475.101.224</u></b>	<b><u>2.589.865.833</u></b>

<b>21. Vốn chủ sở hữu</b>	<i>Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm:</i>			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	12.818.000.000	17.714.540.405	3.255.014.720	33.787.555.125
Lãi năm trước	-	-	2.547.951.062	2.547.951.062
Giảm khác	-	(17.714.540.405)	(106.658.524)	(17.821.198.929)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>12.818.000.000</b>	<b>-</b>	<b>5.696.307.258</b>	<b>18.514.307.258</b>
Số dư đầu năm nay	12.818.000.000	-	5.696.307.258	18.514.307.258
Tăng vốn năm nay	944.000.000	-	-	944.000.000
Lãi năm nay	-	-	4.023.517.620	4.023.517.620
Tăng khác (*)	-	894.110	1.930.676.199	1.931.570.309
Giảm khác (*)	-	-	(2.142.154.778)	(2.142.154.778)
Phân phối lợi nhuận	-	-	(9.508.346.299)	(9.508.346.299)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>13.762.000.000</b>	<b>894.110</b>	<b>-</b>	<b>13.762.894.110</b>

(\*) Đơn vị điều chỉnh những sai sót của năm trước vào lợi nhuận trong năm.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**22. Các quỹ và nguồn của doanh nghiệp**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển (*)	2.304.239.833	818.441.605
	2.304.239.833	818.441.605

(\*) *Quỹ đầu tư phát triển đơn vị dùng để tăng vốn điều lệ theo Quyết định số 3493/QĐ-UBND ngày 18/07/2015 của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh.*

**23. Nguồn kinh phí**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	43.446.988.971	46.377.718.183
Giảm đất nền	(534.615.431)	(2.930.729.212)
Số cuối năm	42.912.373.540	43.446.988.971

**Thông tin chi tiết nguồn kinh phí như sau:**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nền đất dự án Tam Bình ( Công ty Lan Phương)	40.042.266.579	40.576.882.010
Lệ phí trước bạ nền đất Dự Án Tam Bình	627.720.900	627.720.900
Mé nhánh cây	231.000	231.000
Chi phí sửa chữa thường xuyên nhà ở	2.242.155.061	2.242.155.061
<b>Tổng cộng</b>	<b>42.912.373.540</b>	<b>43.446.988.971</b>

**24. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	17.264.317.635	-
Tăng trong năm	-	17.714.540.405
Giảm trong năm	725.699.459	450.222.770
Số cuối năm	16.538.618.176	17.264.317.635

**25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý	468.268.605	48.718.417

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
a. <b>Tổng doanh thu</b>	<b>84.875.312.556</b>	<b>81.139.179.051</b>
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	50.769.241.143	50.072.483.514
- Doanh thu hoạt động xây dựng	28.577.408.071	24.240.320.448
- Doanh thu bán nhà và cho thuê	5.528.663.342	6.826.375.089

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	-	-
--	---	---

**3. Doanh thu thuần**

	<b>84.875.312.556</b>	<b>81.139.179.051</b>
--	-----------------------	-----------------------

**4. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	45.333.519.927	41.991.264.906
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	19.580.700.309	21.676.518.936
Giá vốn bán nhà chung cư và cho thuê	5.741.758.115	6.584.941.882
<b>Tổng cộng</b>	<b>70.655.978.351</b>	<b>70.252.725.724</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**5, Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	17.614.960	71.877.689
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.614.960</b>	<b>71.877.689</b>

**6, Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	238.939.670	55.535.792
<b>Tổng cộng</b>	<b>238.939.670</b>	<b>55.535.792</b>

**7, Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản cố định	165.408.041	-
Thu nhập quản lý chung cư	-	449.679.704
Tiền lãi phạt khách hàng	-	156.200.000
Thu tiền bồi thường giải tỏa	938.291.296	-
Thu nhập khác	31.001.970	101.518.651
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.134.701.307</b>	<b>707.398.355</b>

**8, Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	127.886.121	-
Thuê đất từ năm 1996-2013- An Phú- Quận 2	-	1.232.721.743
Phạt hành chính	-	17.696.173
Hỗ trợ người bị nạn	60.000.000	-
Chi phí khác	5.549.160	20.724.585
<b>Tổng cộng</b>	<b>193.435.281</b>	<b>1.271.142.501</b>

**9, Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>5.175.278.999</b>	<b>3.390.421.940</b>
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận xác định thu nhập chịu thuế		
- Các khoản điều chỉnh tăng	60.000.000	438.991.144
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>5.235.278.999</b>	<b>3.829.413.084</b>
Thuế suất phổ thông	22%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.151.761.379</b>	<b>842.470.878</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1, Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính 2015 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trong Báo cáo tài chính.

**2, Thông tin so sánh**

- Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính năm 2015 áp dụng theo Thông tư 200 như sau:



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Trình bày theo Quyết định 15		Trình bày theo Thông tư 200	
Chỉ tiêu	31/12/2014	Chỉ tiêu	31/12/2014
<b>Tài sản</b>		<b>Tài sản</b>	
Các khoản phải thu ngắn hạn	28.882.898.570	Các khoản phải thu ngắn hạn	29.099.118.570
Các khoản phải thu khác	4.340.537.047	Các khoản phải thu khác	4.556.757.047
Tài sản ngắn hạn khác	539.940.714	Tài sản ngắn hạn khác	323.720.714
Tài sản ngắn hạn khác	216.220.000	Tài sản ngắn hạn khác	-
Tài sản cố định	8.307.372.250	Tài sản cố định	8.302.172.614
Chi phí xây dựng cơ bản	5.199.636	Tài sản dở dang dài hạn	5.199.636
		Chi phí xây dựng cơ bản	5.199.636
Tài sản dài hạn khác	-	Tài sản dài hạn khác	-
<b>Nguồn vốn</b>		<b>Nguồn vốn</b>	
Nợ ngắn hạn	38.494.190.513	Nợ ngắn hạn	19.965.197.853
		Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	786.035.158
Nợ dài hạn	4.684.188.321	Nợ dài hạn	23.213.180.981
Doanh thu chưa thực hiện	2.918.984.156	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	2.132.948.998
Phải trả dài hạn khác	706.106.054	Phải trả dài hạn khác	20.021.133.872
Vốn chủ sở hữu	19.332.748.863,0	Vốn chủ sở hữu	19.332.748.863
Quỹ đầu tư phát triển	-	Quỹ đầu tư phát triển	818.441.605,00
Quỹ dự phòng tài chính	818.441.605		

### 3. Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

#### Chỉ tiêu

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>3.1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>		
3.1.1. Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	65,12%	63,28%
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	34,88%	36,72%
3.1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	43,50%	35,04%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	56,50%	64,96%
3.1.3 Hệ số nợ phải trả trên vốn điều lệ ( lần)	4,07	3,37
( Nợ phải trả đơn vị xác định không bao gồm nghĩa vụ nợ thanh toán đối với các khoản vốn Ngân sách về tiền nhà trả góp với thời hạn 10 đến 15 năm, số tiền Chênh lệch số thu-giá vốn, 2% giá bán CCHBC, 2% giá bán CCMK, 3% giá bán CCHBC, 3% giá bán CCMK và khoản lãi chiếm dụng của Nguyễn Hòa Đức). Xem thêm phần thuyết minh Mục 17 và 18, V5, tại thuyết minh báo cáo tài chính này).		
<b>3.2. Khả năng thanh toán</b>		
3.2.1. Khả năng thanh toán nợ ( lần )	2,30	2,85
3.2.2. Khả năng thanh toán hiện hành ( lần )	1,38	2,27
3.2.3. Khả năng thanh toán nhanh ( lần )	0,24	0,24

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>3.3. Tỷ suất sinh lời</b>		
3.3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần ( % )		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	6,10%	4,18%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	4,74%	3,14%
3.3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản ( % )		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	3,87%	2,75%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	3,01%	2,07%
3.3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	29,24%	19,88%

#### 4. Những thông tin khác.

Theo Quyết định số 36/2015/QĐST-DS ngày 04/05/2015 của Thẩm Phán - Tòa Án Nhân Dân Quận 2 - Thành Phố Hồ Chí Minh về việc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Công ích Quận Thủ Đức đồng ý để ông Nguyễn Hòa Đức trả số tiền còn thiếu là: 2.812.129.643 VND. Thời gian trả nợ trong vòng 9 tháng, hạn cuối là ngày 24/01/2016.

- Trong trường hợp bên có nghĩa vụ ( Ông Nguyễn Hòa Đức ) chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước qui định tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, Công ty vẫn chưa nhận khoản tiền nợ của Ông Nguyễn Hòa Đức theo quyết định của Tòa án nêu trên.

Ngoài ra, trong năm đơn vị có điều chỉnh các khoản doanh thu và chi phí của các công trình xây dựng, sửa chữa cũng như xử lý tăng giảm tiền lương tương ứng vào lợi nhuận chưa phân phối.

#### Phê chuẩn Báo cáo tài chính

Các Báo cáo tài chính trên đây đã được Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Quận Thủ Đức phê duyệt vào ngày 27 tháng 01 năm 2016.



**Trương Ngọc Hương**  
Kế toán trưởng



**Đoàn Văn Kiệt**  
Giám đốc